CHỦ TRƯƠNG VÀ CHIẾN LƯỢC CỦA ĐẢNG SAU SỰ KIỆN HOÀNG SA (19 - 01 - 1974)

PGS,TS NGÔ VĂN MINH*

Ngày 19 - 1 - 1974, Trung Quốc dùng vũ lực đánh chiếm phần còn lại của quần đảo Hoàng Sa đang do Việt Nam Cộng hòa quản lý. Đã 46 năm trôi qua nhưng vẫn có người thắc mắc vì sao bấy giờ Đảng ta không tỏ thái độ gì và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng không công khai lên tiếng phản đối Trung Quốc; hoặc có người cho rằng, có thể vì tình đồng chí của những người cộng sản lúc bấy giờ còn lớn hơn lãnh thổ; hoặc cho là Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nể, sợ, không dám lên tiếng phản đối Trung Quốc; hoặc có những kẻ vào hùa với lối suy diễn xuyên tạc trắng trợn của phía Trung Quốc đối với văn bản ngày 14 - 9 - 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng để cho rằng, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thừa nhận hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là của Trung Quốc.

Những cách suy nghĩ trên hoặc là do thiếu hay không nắm được những thông tin xác thực nên không hiểu, hoặc do bản chất phản động, xuyên tạc, vu khống Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của các phần tử phản động, điều này rất cần được làm rõ và phản bác.

1. Chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa một cách bất hợp pháp bằng quân sự, Trung Quốc đã xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, vi phạm Hiến chương Liên hiệp quốc

Lợi dụng lúc quân Pháp rút khỏi Đông Dương theo Hiệp định Genève, Việt Nam Cộng hòa chỉ mới kịp đưa một đại đội thuộc Trung đoàn 162 đồn trú tại Quảng Nam ra canh giữ các đảo phía tây của quần đảo Hoàng Sa thay cho trung đội Việt Binh Đoàn của Quốc gia Việt Nam trước đó, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa liền bí mật đưa quân đến chiếm đóng bất hợp pháp các đảo Phú Lâm, Linh Côn, Hòn Đá thuộc nhóm phía đông của quần đảo vào ngày 30 - 5 - 1956[1]. Việt Nam Cộng hòa đã kịch liệt phản đối Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chiếm đóng nhóm đảo phía đông quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam[2]. Bắt đầu từ đây, Việt Nam Cộng hòa liên tục có những hoạt động khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, cũng như đối với quần đảo Trường Sa. Và cũng bắt đầu từ đây, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tăng cường các hoạt động xây dựng các cơ sở đường sá, công sự, đài truyền tin... trên các đảo chiếm đóng, nhằm chuẩn bị bàn đạp cho cưỡng chiếm bằng vũ lực phần còn lại của quần đảo khi có cơ hội.

Tuy đã có âm mưu và cả một quá trình chuẩn bị lâu dài, nhưng phải đến sau khi có được cái bắt tay với Mỹ qua cuộc gặp giữa Mao Trạch Đông với Nixon vào tháng 02 - 1972, và từ đầu năm 1974 nhận thấy Quân đội Việt Nam Cộng hòa đang rất suy yếu, sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo đang tiến đến thắng lợi hoàn toàn, các nhà lãnh đạo Trung Quốc liền gấp rút thực hiện kế hoạch

* *Học viện Chính trị khu vực III*

tấn công quân sự để chiếm nốt phần còn lại của quần đảo Hoàng Sa.

Giữa tháng 1 - 1974, theo yêu cầu của Chu Ân Lai, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc họp phiên đặc biệt lập ra ban chuyên trách 5 người phụ trách kế hoạch đánh chiếm phần phía tây của quần đảo Hoàng Sa mà phía Trung Quốc gọi là "Cuộc phản kích Tây Sa" để tuyên truyền trong nước và che mắt dư luận quốc tế. Thủ tướng Quốc vụ viện kiêm Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương Chu Ân Lai cùng nguyên soái Diệp Kiếm Anh viết báo cáo gửi Mao Trạch Đông đề nghị tăng quân ra chiếm đảo. Sau khi phê "đồng ý" vào báo cáo của Diệp và Chu, Mao nói thêm: "Trận này không thể không đánh!"[3]. Theo kế hoạch đã được phê duyệt, Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc điều các tàu chiến, đưa quân ra đánh chiếm phần còn lại của quần đảo Hoàng Sa.

Sáng ngày 19 - 1 - 1974 (27 tháng Chạp) quân Trung Quốc nổ súng vào các binh sĩ của Việt Nam Cộng hòa đóng trên đảo, đồng thời tàu chiến của Trung Quốc khiêu chiến với các tàu chiến của quân lực Việt Nam Cộng hòa. Cuộc đọ súng sau đó đã nổ ra dữ dội. Đến ngày 20 - 1, quân Trung Quốc chiếm được tất cả các đảo ở phía Tây quần đảo Hoàng Sa, và "lực lượng hải quân Trung Hoa có vẻ chuẩn bị trực chỉ quần đảo Trường Sa"[4].

Cũng trong ngày 20 - 1 - 1974, Ngoại trưởng Việt Nam Cộng hòa Vương Văn Bắc thông báo tình hình chiến sự cho Đại sứ Mỹ Martin và yêu cầu Mỹ cho biết có dành cho Việt Nam Cộng hòa sự ủng hộ nào về vật chất, chính trị với tư cách là nước đồng minh, cũng như với tư cách là quốc gia đã ký kết và bảo đảm cho Hiệp định Paris năm 1973 hay không, nhưng đã không nhận được trả lời của Martin. Hai ngày sau (22 - 01 - 1974), Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu gửi thư cho Tổng thống Mỹ Richard Nixon về biến cố Hoàng Sa nhưng cũng chỉ nhận được một sự im lặng. Và rồi sau đó, Nhà Trắng ra Thông cáo báo chí tuyên bố: "Chính phủ Hoa Kỳ không đứng về phe nào trong các cuộc tranh chấp xung đột về quần đảo Hoàng Sa, song mạnh mẽ mong muốn giải quyết tranh chấp một cách hòa bình... Lực lượng quân sự Mỹ không dính líu vào vụ này"[5]. Thậm chí, Đại tá Hà Văn Ngạc là người trực tiếp chỉ huy Hải đoàn của Việt Nam Cộng hòa trong trận hải chiến Hoàng Sa, về sau chua xót kể lại rằng, mặc dù có chiến hạm Mỹ ở gần nơi xảy ra cuộc hải chiến, nhưng "thực tế cho thấy, trong suốt cuộc tìm kiếm những nhân viên từ hộ tống hạm HQ-10 và các toán đã đổ bộ lên trấn giữ các đảo đã đào thoát để trở về đất liền, chúng ta không nhận thấy một hành động nhân đạo nào từ phía đồng minh, kể cả của phi cơ không tuần"[6].

Ngày 21 - 1 - 1974, Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa gửi công hàm cho các nước thành viên ký Định ước của Hội nghị quốc tế về Việt Nam để thông báo vụ việc và tố cáo: "Chánh phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đang cố tình sử dụng võ lực như một phương tiện để chiếm lãnh thổ, vi phạm trầm trọng các nguyên tắc thông thường được chấp nhận bởi công pháp quốc tế và Hiến chương Liên hiệp quốc, và cũng vi phạm trầm trọng Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ký tại Paris ngày 27 tháng Giêng, 1973 và Định ước của Hội nghị quốc tế về Việt Nam ký tại Paris ngày 2 tháng Ba, 1973", đồng thời "kêu gọi các thành viên tìm mọi biện pháp mà các thành viên xét thấy thích ứng, chiếu Điều 4 trong Định ước của Hội nghị quốc tế về Việt Nam"[7].

2. Tuyên bố phản đối của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và thái độ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Trước hành động của Trung Quốc dùng vũ lực cưỡng chiếm quần đảo Hoàng Sa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam liền ra tuyên bố lập trường ba điểm của mình trước sự kiện này: (1) Chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ là những vấn đề thiêng liêng đối với mỗi dân tộc; (2) Vấn đề biên giới và lãnh thổ là vấn đề mà giữa các nước láng giềng thường có những tranh chấp do lịch sử để lại; (3) Các nước liên quan cần xem xét vấn đề này trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị và láng giềng tốt và phải giải quyết bằng thương lượng[8]. Bấy giờ, phái đoàn đại diện của chính phủ này tại Pháp được sự chỉ đạo sát sao từ trong nước đối với phát ngôn về vấn đề Hoàng Sa. Theo đó, phải ngầm ủng hộ sự phản đối Trung Quốc dùng vũ lực cưỡng chiếm quần đảo Hoàng Sa của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, còn công khai thì theo tuyên bố của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam[9].

Do ở vào thời điểm nhạy cảm phải tập trung toàn lực cho giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, và

cũng do theo điều khoản của Hội nghị Genève năm 1954 các quần đảo phía Nam vĩ tuyến 17 tạm thời thuộc quyền tài phán của chính quyền Việt Nam Cộng hòa nên Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không ra tuyên bố công khai. Tuy nhiên, các nhà ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thông qua một kênh khác - không chỉ nhằm thể hiện ở hiện thời mà còn là một sự chủ động chuẩn bị bằng chứng về lập trường của mình để trưng dẫn về sau. Điều này đã được một nhà nghiên cứu độc lập ở Hungary là tiến sĩ Balazs Szalontai cho biết, với tài liệu mà ông tìm thấy từ kho lưu trữ quốc gia Hungary thì sau hành động cưỡng chiếm quần đảo Hoàng Sa bằng quân sự của Trung Quốc, Thứ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch nói với đại sứ Hungary ở Hà Nội rằng, Việt Nam có nhiều văn bản chứng minh chủ quyền của mình đối với quần đảo Hoàng Sa; các cán bộ ngoại giao khác của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng nói với các nhà ngoại giao Hungary rằng, theo họ, xung đột giữa Trung Quốc với chính thể Sài Gòn chỉ là tạm thời, còn sau đó sẽ là vấn đề cho cả quốc gia Việt Nam. Và "khác với Bắc Kinh, Hà Nội không hề xem vụ việc đã khép lại. Một Vụ trưởng của Bộ Ngoại giao Bắc Việt nói với Hungary rằng, chính phủ miền Bắc dự tính sẽ họp với Trung Quốc để làm rõ vấn đề". Từ những dẫn chứng này, Balazs Szalontai đi đến nhận định: "Chúng ta không thể dùng nguyên tắc "im lặng là đồng ý" để giải thích hành vi của Hà Nội trong trận hải chiến Trung Quốc - Nam Việt Nam. Sự thụ động tạm thời của Bắc Việt phản ánh tính toán chiến thuật chứ không mang tính chiến lược hay pháp lý. Trong khi đang còn đánh nhau với miền Nam và nghi ngờ Kremli, Hà Nội ắt hẳn cảm thấy họ không thể cùng đối đầu với Bắc Kinh. Nhưng ngay sau khi chính quyền Thiệu sụp đổ, Bắc Việt không ngần ngại kêu đòi Hoàng Sa"[10].

3. Đảng ta đã có chủ trương thế nào sau khi xảy ra sự kiện ngày 19 - 1 - 1974?

Từ giữa năm 1973, bên cạnh việc xem xét chiến lược toàn cầu thực dân mới của Mỹ, so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường và bối cảnh quốc tế lúc bấy giờ, Bộ Chính trị nhận thấy "khuynh hướng hòa hoãn, thỏa hiệp với đế quốc Mỹ xuất hiện ngay trong phe xã hội chủ nghĩa đã đẻ ra cho cuộc chiến đấu của chúng ta những yếu tố tiêu cực mà đế quốc Mỹ ra sức lợi dụng để càng thêm ngoan cố, hung hãn trong việc tăng cường, mở rộng và đeo đuổi đến cùng cuộc chiến tranh tội ác của chúng". Từ đó Bộ Chính trị đi đến quán triệt một tinh thần là: "Chiến đấu quyết liệt chống đế quốc Mỹ trong những điều kiện như vậy, đòi hỏi Đảng ta phải hết sức kiên định, dũng cảm và khôn khéo, có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, giữ vững đường lối độc lập, tự chủ, chẳng những dám đánh, dám thắng mà còn phải biết đánh và biết thắng"[11]. Liền ngay sau đó, Bộ Tổng Tham mưu bắt tay vào xây dựng kế hoạch chiến lược cơ bản giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Sự kiện Trung Quốc dùng vũ lực đánh chiếm phần còn lại của quần đảo Hoàng Sa vào ngày 19, 20 - 1 - 1974 đã lộ rõ tham vọng bành trướng của họ trên Biển Đông và càng lộ thêm sự móc ngoặc giữa Mỹ với Trung Quốc khi Mỹ bỏ rơi đồng minh Việt Nam Cộng hòa trong sự kiện này. Tình hình mới đặt ra yêu cầu cấp bách là Đảng phải có chủ trương chiến lược mang tính quyết định đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Ngày 21 - 7 - 1974, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp với một số đồng chí Thường trực Quân ủy Trung ương tại thị xã Đồ Sơn (Hải Phòng) bàn việc chuẩn bị kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam, chuẩn bị cho Hội nghị Bộ Chính trị. Đồng thời với chuẩn bị lực lượng và lên phương án tấn công quân sự ở miền Nam, từ tháng 9 - 1974, khi bàn về nhiệm vụ năm 1975 đồng chí Lê Duẩn cũng lưu ý phải chú ý phía biên giới phía Bắc, nhất là Lạng Sơn - Cao Bằng, chú ý các con đường từ phía Bắc sang; phải xây dựng hai tuyến phòng thủ biên giới và trung du, cũng như chú ý cả vùng dọc bờ biển để không bị động[12].

Nếu như ở năm 1973 Bộ Chính trị chỉ mới nói đến "khuynh hướng hòa hoãn, thỏa hiệp với đế quốc Mỹ xuất hiện ngay trong phe xã hội chủ nghĩa" thì sau sự kiện ngày 19 - 1 - 1974, trong Kết luận Hội nghị đợt một (từ ngày 30 - 9 đến ngày 8 - 10 - 1974), Bộ Chính trị đã nói rõ là tại Hội nghị Giơnevơ "Mỹ đã cùng Pháp thỏa hiệp với Trung Quốc ép ta dừng lại sau chiến thắng Điện Biên Phủ", đến năm 1972 Nixon "dùng thủ đoạn ngoại giao mua bán với Trung Quốc để ngăn chặn sự nghiệp thống nhất đất nước

của nhân dân ta" và "Sự thỏa hiệp, móc ngoặc giữa Mỹ và Trung Quốc đã gây phức tạp thêm cho cuộc kháng chiến của chúng ta"[13]. Kết luận tại Hội nghị còn phân tích rõ thái độ của Mỹ và một số cường quốc khác có mưu đồ và đang lăm le làm bá chủ cả khu vực Đông Nam Á: "Người ta đã mặc cả với nhau và tuyên bố không ai được độc quyền làm bá chủ ở Đông - Nam Á. Tuy tranh giành nhau, song tất cả đều lo ngại cách mạng Việt Nam mạnh lên và giành được toàn thắng, đều coi một nước Việt Nam thống nhất, độc lập gắn bó, đoàn kết với hai nước Lào, Campuchia độc lập, thống nhất sẽ là một trở lực lớn đối với mưu đồ bành trướng của họ. Vì thế, họ tìm mọi cách chặn bước tiến của Việt Nam, kéo dài tình trạng chia cắt đất nước ta, hòng làm cho ta suy yếu". Từ sự phân tích như vậy, Bộ Chính trị đi đến nhận định: "Ở thời điểm này, Việt Nam không chỉ là vấn đề đối đầu giữa hai hệ thống thế giới mà, về khách quan, còn là một đối thủ quan trọng phải khuất phục trong sự tính toán chiến lược của các thế lực xâm lược, bành trướng tranh giành Đông - Nam Á. Âm mưu của họ rất nguy hiểm, nhưng lúc này chưa ai sẵn sàng, chưa ai đủ sức làm nổi"[14].

Sau khi xem xét so sánh tương quan địch - ta, tình hình chung thế giới và tình hình của khu vực, Bộ Chính trị đi đến nhận định cách mạng Việt Nam đang có thời cơ, và "đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc dân chủ, đồng thời giúp Lào và Campuchia hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc". Cũng trên cơ sở xem xét tình hình như vậy và có xem xét đến yếu tố Trung Quốc, Bộ Chính trị khẳng định: "Ngoài thời cơ này, không có thời cơ nào khác. Nếu để chậm mươi, mười năm nữa, bọn ngụy gượng dậy được, các thế lực xâm lược được hồi phục, bọn bành trướng mạnh lên thì tình hình sẽ phức tạp vô cùng". Tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị là "phải làm nhanh, làm gọn, làm triệt để, nhưng phải khôn khéo. Có như thế mới tạo được bất ngờ, không ai kịp trở tay"[15]. Từ quyết tâm chiến lược chung như vậy, Hội nghị Bộ Chính trị (đợt một) quyết định giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976. Từ ngày 8 - 12 - 1974 đến ngày 7 - 1 - 1975 Bộ Chính trị tiếp tục họp đợt hai. Một ngày trước khi kết thúc, Hội nghị nhận được tin chiến thắng giải phóng thị xã Phước Long (6 - 1 - 1975). Với chiến thắng này cho thấy chính xác hơn thời cơ lịch sử và khả năng thực tế để quyết chiến những trận cuối cùng. Hội nghị Bộ Chính trị đi đến quyết định "Chúng ta phải cố gắng cao nhất để thắng gọn trong năm 1975"[16]. Đến cuộc họp ngày 18 - 3 - 1975, nhận thấy nhân tố mới đã và đang xuất hiện sau đòn tiến công chiến lược tại chiến trường Tây Nguyên và các chiến trường phối hợp, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương bổ sung quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975 và ngày 1 - 4 - 1975, tức là sau thắng lợi giải phóng Đà Nẵng, Bộ Chính trị hạ quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam trong thời gian ngắn nhất, tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 - 1975[17].

Xác định biển, đảo có vị trí chiến lược rất quan trọng về kinh tế, quân sự và đề phòng nước ngoài đánh chiếm khi quân đội Sài Gòn đang rệu rã, bỏ đảo, ngay sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, Quân ủy Trung ương liền kiến nghị Bộ Chính trị: "Vừa chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, vừa tiến hành giải phóng các đảo và quần đảo do quân ngụy đang chiếm giữ". Kiến nghị này đã được ghi vào nghị quyết Bộ Chính trị ngày 25 - 3 - 1975. Cũng từ ngày này, Quân ủy Trung ương điều đồng chí Hoàng Trà, Chính ủy Hải quân đến làm việc cạnh Bộ Tổng Tham mưu, giúp theo dõi tình hình trên biển, kiến nghị về nhiệm vụ của hải quân trong trận quyết chiến cuối cùng. Đồng chí Võ Nguyên Giáp cũng yêu cầu Bộ Tổng tham mưu và Bộ Ngoại giao cung cấp tài liệu về các đảo, quần đảo thuộc vùng biển của Việt Nam, đồng thời chỉ thị cho Cục Quân báo nắm tình hình địch ở Biển Đông[18]. Ngày 30 - 3 - 1975, theo Chỉ thị của Bộ Chính trị, Thường vụ Quân ủy Trung ương điện giao nhiệm vụ cho Khu ủy V và Bộ Tư lệnh Quân khu 5 nghiên cứu, chỉ đạo, nhằm thời cơ thuận lợi nhất gấp rút đánh chiếm các đảo đang do quân đội Việt Nam Cộng hòa đóng giữ thuộc quần đảo Trường Sa, xem đây là nhiệm vụ rất quan trọng, có ý nghĩa chiến lược. Sau đó, Quân ủy Trung ương còn gửi tiếp 5 bức điện chỉ thị cụ thể. Bức điện ngày 4 - 4 - 1975 chỉ thị phải "chuẩn bị gấp và bí mật, chỉ để cán bộ có trách nhiệm biết". Bức điện ngày 9 - 4 - 1975 nói rõ phải hành động kịp thời theo phương án đã định, vì "nếu để chậm, có thể quân nước ngoài chiếm trước, vì hiện nay một số nước ngoài đang có ý đồ xâm chiếm". Trong bức điện ngày 13 - 4 - 1975 Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn nói thêm: "Nếu

địch đã rút toàn bộ hoặc rút đại bộ phận thì đánh chiếm ngay. Nếu quân nước ngoài đánh chiếm trước thì đánh chiếm lại"[19].

Với tinh thần: "Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng hoàn toàn miền Nam", các cánh quân giải phóng tiến nhanh như thế chẻ tre. Ngoài biển Đông, cờ giải phóng lần lượt tung bay trên các đảo Song Tử Tây (14 - 4), Sơn Ca (25 - 4), Nam Yết (26 - 4), Sinh Tồn (28 - 4), Trường Sa (29 - 4) thuộc quần đảo Trường Sa[20], khiến cho quân nước ngoài không kịp thực hiện ý đồ chiếm đóng. Tại Dinh Thủ tướng của chính quyền Sài Gòn, 8 giờ sáng ngày 30 - 4 - 1975, viên Đại tá Vanuxem từ Pháp đến gặp Tổng thống Dương Văn Minh đang có mặt tại đây để thu băng lời tuyên bố đầu hàng, cho biết đã thu xếp xong ở Paris và đặt vấn đề Dương Văn Minh nhờ Trung Quốc bảo trợ[21]. Nhưng mọi chuyện đã đến lúc không thể nào xoay ngược được. Đúng 11g30 ngày 30 - 4 - 1975 cờ giải phóng tung bay trên nóc Dinh Độc lập của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Sự nghiệp giải phóng miền Nam đã thắng lợi hoàn toàn, bởi Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định kết thúc chiến tranh đúng lúc, khôn khéo, tạo "thế bất ngờ"; có sự chỉ đạo sát sao, diễn biến cuộc tổng tấn công và nổi dậy của quân và dân ta ở miền Nam diễn ra nhanh, gọn, khiến cho "không ai kịp trở tay".

Đúng như tuyên bố của một Vụ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với các nhà ngoại giao Hungary rằng, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa dự tính sẽ họp với Trung Quốc để làm rõ vấn đề. Chỉ 5 tháng sau ngày giải phóng miền Nam, đoàn đại biểu cấp cao của Đảng và Nhà nước Việt Nam do đồng chí Lê Duẩn Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng dẫn đầu sang thăm Trung Quốc, đã đặt vấn đề đàm phán về hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tại cuộc thảo luận tổ chức vào ngày 24 - 9 - 1975, Phó Thủ tướng Trung Quốc Đặng Tiểu Bình đã thừa nhận có sự tranh chấp giữa đôi bên về hai quần đảo và cũng cho rằng, hai bên sau đó sẽ bàn thảo với nhau để giải quyết. Cũng vào thời gian này (9 - 1975), đoàn đại biểu Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam tại Hội nghị khí tượng ở Colombo tuyên bố quần đảo Hoàng Sa là của Việt Nam và yêu cầu Tổ chức Khí tượng thế giới tiếp tục ghi tên trạm khí tượng Hoàng Sa của Việt Nam trong danh mục trạm khí tượng của Tổ chức Khí tượng thế giới. Ngày 10 - 11 - 1975, Bộ Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi công hàm cho Bộ Ngoại giao Trung Quốc khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và nhắc lại lời phát biểu của Đặng Tiểu Bình trong cuộc hội đàm với đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam ngày 24 - 9 - 1975[22]. Sau đó, vào tháng 4 - 1977, đích thân Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhân chuyến thăm Liên Xô, khi dừng chân tại Bắc Kinh đã trực tiếp gặp các nhà lãnh đạo Trung Quốc nói rõ văn bản ngày 14 - 9 - 1958 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chỉ biểu thị thái độ ghi nhận và tán thành tuyên bố ngày 4 - 9 - 1958 của Trung Quốc về hải phận 12 hải lý, hoàn toàn không nói gì đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nên Trung Quốc không thể coi đó là văn bản xác nhận chủ quyền của Trung Quốc trên hai quần đảo này[23].

Ngày 7 - 8 - 1979, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Tuyên bố về quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, trong đó có những nội dung như khẳng định lập trường trước sau như một "Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là một phần lãnh thổ Việt Nam"; phản bác sự xuyên tạc của Trung Quốc đối với văn bản của Thủ tướng Phạm Văn Đồng: "Sự diễn giải của Trung Quốc về văn bản ngày 14 - 9 - 1958 của Thủ tướng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa như một sự công nhận chủ quyền của phía Trung Quốc trên các quần đảo là một sự xuyên tạc trắng trợn khi tinh thần và ý nghĩa của văn bản chỉ có ý định công nhận giới hạn 12 hải lý của lãnh hải Trung Quốc". Bản Tuyên bố cũng nói rõ bối cảnh Trung Quốc dùng vũ lực cưỡng chiếm Hoàng Sa: "Đầu tháng 1 - 1974, chỉ trước khi nhân dân Việt Nam toàn thắng vào mùa Xuân 1975, Trung Quốc đã chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa bằng biện pháp quân sự, lúc đó vẫn dưới sự quản lý của chính quyền Sài Gòn. Việt Nam Cộng hòa lúc đó đã tuyên bố rõ ràng cương vị của họ". Đồng thời, bản Tuyên bố khẳng định: "Chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa một cách bất hợp pháp bằng quân sự, Trung Quốc đã xâm phạm vào sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam và dẫm chân lên làm cản trở tinh thần của Hiến chương Liên hiệp

quốc kêu gọi giải quyết tất cả các tranh chấp bằng thương lượng hòa bình"[24]. Những nội dung tuyên bố này lại một lần nữa tái khẳng định trong tập tài liệu lập trường của Việt Nam gửi Liên hiệp quốc ngày 3 - 7 - 2014 và ngày 22 - 8 - 2014 về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa.

Thái độ của Đảng và Nhà nước ta về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như vậy là nhất quán, dứt khoát, kiên quyết nhưng khôn khéo.

---

1. Một số tài liệu ghi sự kiện này diễn ra vào tháng 4 - 1956. Tuy nhiên, theo công văn số 62-AUC/M ngày 23 - 1 - 1964 *Về tình trạng của đảo Paracels trên phương diện chính trị* của Tổng trưởng Bộ Ngoại giao gửi Bộ trưởng tại Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (tài liệu lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II) thì sự kiện này diễn ra vào ngày 30 - 5 - 1956.

2. Ủy ban Biên giới Quốc Gia - Bộ Ngoại giao: *Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb Tri thức, H, 2013, tr. 31.

3. Châu Minh Linh: *Hải chiến Hoàng Sa, 40 năm nhìn lại*, http://www.thanhnien.com. vn/chinh-tri-xa-hoi/hai-chien-hoang-sa/hai-chien-hoang-sa-40-nam-nhin-lai-6168.htm. (06 - 01 - 2014), 2014.

4. Việt Nam Thông tấn xã: thứ Ba ngày 22 - 1 - 1974) *Công hàm của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa tố cáo Trung Cộng xâm phạm quần đảo Hoàng Sa*, tài liệu sưu tập thuộc Phông tư liệu Đệ nhị Cộng hòa (1964 - 1975), Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

5. H. Phan: *Ai tiếp tay cho Trung Quốc độc chiếm Biển Đông;* http://petrotimes.vn/axi-tiep-tay-cho-trung-quoc-doc-chiem-bien-dong-178905.html (14 - 5 - 2014), 2014.

6. Lê Văn Thự: *Hải chiến Hoàng Sa - Hạm trưởng HQ-16 trả lời dứt điểm các lời chỉ trích*, http://sachhiem.net/LICHSU/L/LevanThu01.php (07 - 2 - 2014), 2014.

7. Việt Nam thông tấn xã (thứ Ba, ngày 22 - 1 - 1974): *Công hàm của Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa tố cáo Trung Quốc xâm phạm quần đảo Hoàng Sa*, tài liệu sưu tập thuộc Phông tư liệu Đệ nhị Cộng hòa (1964 - 1975), Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

8. Ban Tuyên giáo Trung ương (2013): *100 câu hỏi - đáp về biển, đảo dành cho tuổi trẻ Việt Nam*, Nxb Thông tin và Truyền thông, H, 2013, tr. 88.

9. Theo lời bà Phan Thị Minh, nguyên là một thành viên Phái đoàn đại diện của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Pháp kể cho tác giả bài viết này.

10. Balazs Szalonta: *Im lặng nhưng không đồng tình*, http://www.bbc.co.uk/vietnamese/vietnam/2009/03/090324_paracels_hanoi_reassessment.shtml (24 - 03 - 2009), 2009.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t. 34 (1973), Nxb CTQG, H, 2004, tr. 109, 110.

12. Đảng ủy Quân sự Trung ương - Bộ Quốc phòng: *Một số văn kiện chỉ đạo tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 - chiến dịch Hồ Chí Minh*, Nxb QĐND, H, 2005, tr. 106.

13. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb Sự Thật, H, 1985, tr. 356, 358, 359.

14. *Sđd*, tr. 361.

15. *Sđd*, tr. 362, 363.

16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t. 35 (1974), Nxb CTQG, H, 2004, tr. 196.

17. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb Sự Thật, H, 1985, tr. 386.

18. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân đại thắng*, Nxb CTQG, H, 2000, tr. 295.

19. Đảng ủy Quân sự Trung ương - Bộ Quốc phòng (2005): *Một số văn kiện chỉ đạo tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 chiến dịch Hồ Chí Minh*, Nxb QĐND, H, 2005, tr. 229 - 231.

20. Phan Huỳnh: *Giải phóng quần đảo Trường Sa* (tháng 4 - 1975), tạp chí Lịch sử quân sự, số 6/1988, (đăng lại trong sách *Quá trình khai phá, xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb QĐND, H, 2015, tr. 290 - 296).

21. Nguyễn Đình Đầu: *Ngày 30 tháng Tư năm nay, tôi tưởng nhớ đến một người*, tạp chí Xưa & Nay, số 27 (5/1996), tr. 16.

22. Nguyễn Việt Long: *Hoàng Sa - Trường Sa. Các sự kiện, tư liệu lịch sử - pháp lý chính*, t. 1 (thế kỷ XV - 2000), Nxb Trẻ, 2013, tr. 151.

23. Bùi Phan Kỳ: *Góp phần làm rõ thêm về một văn bản lịch sử*, bài đăng tạp chí Lịch sử quân sự, số 4/2013, (đăng lại trong sách *Quá trình khai phá, xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb QĐND, H, 2015, tr. 395).

24. *Tlđd*, tr. 396 - 397.